

Số: /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, gồm: Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cụm liên xã, phường và cấp tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa; cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cụm liên xã, phường và cấp tỉnh, cấp quốc gia; các kỳ thi, cuộc thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo cụm liên xã, phường và cấp tỉnh do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

b) Các nội dung khác liên quan đến nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức chi cao nhất.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Chi hỗ trợ tiền đi lại, tiền thuê phòng nghỉ, tiền ăn cho học sinh các đội tuyển trong quá trình tập huấn, tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cụm liên xã, phường, cấp tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa; cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cụm liên xã, phường và cấp tỉnh, cấp quốc gia: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

a) Mức chi hỗ trợ tiền đi lại của học sinh được tính bằng mức chi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

b) Mức chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho học sinh được tính bằng mức chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

c) Mức chi hỗ trợ tiền ăn của học sinh được tính bằng mức chi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND.

2. Chi tiền công

a) Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cụm liên xã, phường và cấp tỉnh, cấp quốc gia các môn văn hóa; thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa; cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông cụm liên xã, phường và cấp tỉnh.

b) Chi tiền công cho công tác kiểm tra trước, trong và sau khi tổ chức các kỳ thi: Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông; thi tốt nghiệp trung học phổ thông; thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa; thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa.

(Nội dung, mức chi theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết)

3. Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo do cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức: Mức chi được tính bằng 80% mức chi cho kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này gồm nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Bãi bỏ danh mục Nghị quyết tại số thứ tự 20 Mục V Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ba (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các Tổ chức CT- XH tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng tải);
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà

PHỤ LỤC
MỨC CHI TIỀN CÔNG CHO CÁC CHỨC DANH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI
TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
1	Chi tiền công cho các chức danh									
1.1	Thành viên Hội đồng ra đề thi									
a	Chủ tịch Hội đồng	nghìn đồng/người/ngày	540		430	540		540		
b	Phó Chủ tịch Hội đồng	nghìn đồng/người/ngày	500		400	500		500		
c	Ủy viên, thư ký	nghìn đồng/người/ngày	360		280	360		360		
d	Bảo vệ	nghìn đồng/người/ngày	270		270	270		270		
1.2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi									
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	500	500	400	500		500		
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	420	420	330	420		420		
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	nghìn đồng/người/ngày	330	330	300	330	330	330		
d	Lực lượng cơ yếu	nghìn đồng/người/ngày		330			330			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
đ	Công an, bảo vệ làm việc cách ly		250	250		250		250		
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, y tế vòng ngoài	nghìn đồng/người/ngày	180	180	180	180		180		
1.3	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	nghìn đồng/người/ngày	360	360	300	360	360	360		
1.4	Thành viên Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh									
a	Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	700	700						
b	Phó Trưởng ban Thường trực	nghìn đồng/người/ngày	600	600						
c	Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	540	540						
d	Ủy viên, thư ký	nghìn đồng/người/ngày	360	360						
1.5	Hội đồng thi									
a	Chủ tịch Hội đồng	nghìn đồng/người/ngày		600						
b	Phó Chủ tịch	nghìn đồng/người/ngày		500						
c	Ủy viên	nghìn đồng/người/ngày		450						
1.6	Thành viên Ban Thư ký Hội đồng thi									
a	Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày		500						

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
b	Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày		450						
c	Ủy viên	nghìn đồng/người/ngày		350						
1.7	Thành viên Hội đồng/Ban Coi thi									
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	450	450	360	450	450	450		
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	420	420	330	420	420	420		
c	Trưởng Điểm thi	nghìn đồng/người/ngày		420						
d	Phó Trưởng Điểm thi	nghìn đồng/người/ngày		350						
đ	Ủy viên, thư ký, giám thị	nghìn đồng/người/ngày	330	330	300	330	330	330		
e	Công an, bảo vệ, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ	nghìn đồng/người/ngày	180	180	180	180	180	180		
1.8	Thành viên Ban/Tổ làm phách									
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	nghìn đồng/người/ngày	500	500	400	500		500		
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	nghìn đồng/người/ngày	420	420	330	420		420		
c	Ủy viên, thư ký	nghìn đồng/người/ngày	330	330	300	330		330		
d	Công an, cán bộ y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ	nghìn đồng/người/ngày	250	250	250	250		250		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
1.9	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi/Phúc khảo									
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	500	500	400	500		500		
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày	450	450	360	450		450		
c	Giám khảo (Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm)	nghìn đồng/người/ngày	500	500	430	540		540		
d	Tiền công cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (ngoài tiền công chấm thi)	nghìn đồng/người/đợt	250		200	250		250		
đ	Thư ký, kỹ thuật viên	nghìn đồng/người/ngày	330	330	300	330		330		
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ, cán bộ y tế	nghìn đồng/người/ngày	180	180	180	180		180		
1.10	Thành viên Ban tổ chức									
a	Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày							320	400
b	Phó Trưởng ban	nghìn đồng/người/ngày							280	350
c	Ủy viên	nghìn đồng/người/ngày							240	300

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
1.11	<i>Thành viên Hội đồng thẩm định, Ban giám khảo</i>									
a	Chủ tịch	nghìn đồng/người/ngày							400	500
b	Phó Chủ tịch	nghìn đồng/người/ngày							360	450
c	Ủy viên	nghìn đồng/người/ngày							280	350
2	Tiền công ra đề thi									
2.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>									
a	Chủ trì	nghìn đồng/người/ngày	500		400	500		500		
b	Các thành viên	nghìn đồng/người/ngày	450		360	450		450		
2.2	<i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận (chỉ áp dụng cho các môn thi không có ngân hàng câu hỏi thi)</i>	nghìn đồng/đề theo phân môn	540		560	700		700		
2.3	<i>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phân biện) có kèm theo đáp án, biểu điểm</i>	nghìn đồng/người/ngày	600		720	900		900		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi									
3.1	<i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i>									
a	Chủ trì	nghìn đồng/người/ngày	500		400	500		500		
b	Thành viên	nghìn đồng/người/ngày	450		360	450		450		
3.2	<i>Tiền công đối với câu hỏi</i>									
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	nghìn đồng/câu	35		28	35		35		
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	nghìn đồng/câu	30		24	30		30		
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	nghìn đồng/câu	25		20	25		25		
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	nghìn đồng/câu	20		16	20		20		
đ	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	nghìn đồng/câu	5		4	5		5		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
3.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm									
a	Chủ trì	nghìn đồng/người/ngày	500		400	500		500		
b	Thành viên	nghìn đồng/người/ngày	450		360	450		450		
4	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi (do giáo viên địa phương đảm nhiệm)				Thời gian mỗi người tập huấn không quá 4 ngày/tháng/đội tuyển; số tháng không quá 7 tháng/năm học			Thời gian mỗi người tập huấn không quá 6 ngày/tháng/đội tuyển; số tháng không quá 5 tháng/năm học		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	nghìn đồng/người/ngày			40	60		60		
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	nghìn đồng/người/ngày			400	500		700		
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	nghìn đồng/người/ngày			480	600		800		
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	nghìn đồng/người/ngày			160	200		300		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Kỳ thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Kỳ thi chọn học sinh giỏi liên xã, phường các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa	Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Kỳ thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cụm liên xã, phường	Cuộc thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh THCS và THPT cấp tỉnh
5	Tiền công chi cho công tác kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi tổ chức các kỳ thi									
a	Trưởng đoàn/Tổ trưởng	nghìn đồng/người/ngày	360	360	300	360		360		
b	Thành viên	nghìn đồng/người/ngày	300	300	250	300		300		